

*

Cao Bằng, ngày 27 tháng 9 năm 2022

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Lớp trung cấp lý luận chính trị khóa 04 (huyện Hạ Lang)

1. Điểm khóa luận tốt nghiệp

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Phạm Thị Dịu	8,25	Tám phẩy hai năm	11	Long Nông Nữ Minh	8,50	Tám
2	Thắm Thị Duyên	8,50	Tám phẩy năm	12	Phạm Thị Phụng	8,25	Tám phẩy hai năm
3	Nông Thanh Hùng	8,50	Tám phẩy năm	13	Nông Thị Thoa	8,25	Tám phẩy hai năm
4	Đường Thị Kết	8,25	Tám phẩy hai năm	14	Mã Thị Thương	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Nông Thị Linh	8,25	Tám phẩy hai năm	15	Hà Văn Thượng	8,25	Tám phẩy hai năm
6	Phạm Minh Loan	8,25	Tám phẩy hai năm	16	Lương Thị Thủy	8,00	Tám
7	Hà Thị Luyện	8,25	Tám phẩy hai năm	17	Nông Linh Thủy	8,50	Tám
8	Đàm Thị Mến	8,50	Tám phẩy năm	18	Bé Thị Ánh Tuyết	8,25	Tám phẩy hai năm

2. Điểm thi tốt nghiệp

1	Thắm Thị Bạch	7,58	Bảy phẩy năm tám	32	Triệu Thúy Mơ	7,42	Bảy phẩy bốn hai
2	Triệu Thị Chiêm	7,00	Bảy	33	Hoàng Thị My	7,50	Bảy phẩy năm
3	Nông Thị Chinh	7,42	Bảy phẩy bốn hai	34	Nông Văn Nam	7,50	Bảy phẩy năm
4	Triệu Thị Chủ	7,50	Bảy phẩy năm	35	Nông Thị Hoàng Nga	7,42	Bảy phẩy bốn hai
5	Đàm Bích Diệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	36	Lã Thị Nga	7,42	Bảy phẩy bốn hai
6	Hứa Văn Du	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	37	Đường Văn Ngọc	7,17	Bảy phẩy mười bảy
7	Hoàng Thị Định	7,33	Bảy phẩy ba ba	38	Phùng Ánh Nguyệt	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Bé Thị Đoan	7,58	Bảy phẩy năm tám	39	Mã Lý Nhung	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
9	Nông Thị Hồng Gấm	7,75	Bảy phẩy bảy năm	40	Trần Thị Phương	7,50	Bảy phẩy năm
10	Phùng Thị Thu Hằng	7,83	Bảy phẩy tám ba	41	Nông Thị Quy	7,58	Bảy phẩy năm tám
11	Hoàng Văn Hành	7,58	Bảy phẩy năm tám	42	Nông Thị Riên	7,42	Bảy phẩy bốn hai
12	Hoàng Minh Hậu	7,58	Bảy phẩy năm tám	43	Nông Văn Siên	7,17	Bảy phẩy mười bảy
13	Nông Thị Hiền	7,33	Bảy phẩy ba ba	44	Hoàng Thị Tâm	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
14	Đàm Văn Hiệp	7,42	Bảy phẩy bốn hai	45	Nông Thị Thạch	7,58	Bảy phẩy năm tám
15	Hoàng Thị Hoa	7,75	Bảy phẩy bảy năm	46	Đinh Viết Thiện	7,25	Bảy phẩy hai năm
16	Phan Triệu Học	7,83	Bảy phẩy tám ba	47	Mã Thị Thiệp	7,83	Bảy phẩy tám ba
17	Nông Thị Hồng	7,25	Bảy phẩy hai năm	48	Bé Văn Thoại	7,42	Bảy phẩy bốn hai

ĐHL

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
18	Nông Thị Hợp	7,83	Bảy phẩy tám ba	49	Nông Thị Thu	7,42	Bảy phẩy bốn hai
19	Nông Văn Huân	7,00	Bảy	50	Nông Ngọc Thụ	7,25	Bảy phẩy hai năm
20	Triệu Bích Huệ	7,83	Bảy phẩy tám ba	51	Mã Thị Thùy	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
21	Nông Thế Hùng	7,42	Bảy phẩy bốn hai	52	Hoàng Văn Tú	7,25	Bảy phẩy hai năm
22	Đàm Thị Hương	7,58	Bảy phẩy năm tám	53	Hoàng Thị Bích Từ	7,42	Bảy phẩy bốn hai
23	Hoàng Thị Bích Huyền	7,58	Bảy phẩy năm tám	54	Bạch Văn Tùng	6,92	Sáu phẩy chín hai
24	Hoàng Thị Thu Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	55	Phạm Thị Tươi	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
25	Lương Thị Vân Khánh	7,42	Bảy phẩy bốn hai	56	Triệu Thị Tuyên	7,42	Bảy phẩy bốn hai
26	Lương Thị Hồng Lê	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	57	Trần Thị Tuyết	7,33	Bảy phẩy ba ba
27	Lương Thị Liễu	7,58	Bảy phẩy năm tám	58	Lộc Thị Vân	7,50	Bảy phẩy năm
28	Hoàng Thị Loan	7,42	Bảy phẩy bốn hai	59	Lý Thị Thúy Vân	7,33	Bảy phẩy ba ba
29	La Thị Loan	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	60	Nông Thị Vân	7,67	Bảy phẩy sáu bảy
30	Nông Thị Thanh Loan	7,67	Bảy phẩy sáu bảy	61	Lộc Thị Viên	7,58	Bảy phẩy năm tám
31	Nông Thị Luyến	7,83	Bảy phẩy tám ba	62	Chu Văn Xuyên	6,42	Sáu phẩy bốn hai

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Dhlu

lanh



Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa